

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYỀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 06/2022/DS -ST

Ngày 24 - 3 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức Gương và bà Bùi Thị Vân Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hoàn - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Phú Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/ 2022/ TLST - DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/ 2022/ QĐXX - ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST - DS ngày 08/3/2022 giữa các đương sự:

**** Đồng nguyên đơn:*** Ông Trần Văn M, sinh năm 1952; bà Hoàng Thị Ch, sinh năm 1953

Hộ khẩu thường trú và trú tại: Tiểu khu Th, thị trấn M, huyện X, Thành phố Hà Nội.

Bà Hoàng Thị Ch ủy quyền cho ông Trần Văn M

**** Đồng bị đơn:***

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964

Hộ khẩu thường trú: Tiểu khu Th, thị trấn M, huyện X, Thành phố Hà Nội.

- Ông Phùng Văn H, sinh năm 1960

Hộ khẩu thường trú: Số 7, ngách 65, ngõ G, phường D, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Ông M có mặt, bà H đề nghị xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đòi nợ ông Trần Văn M và những lời khai tại tòa ông M trình bày:

Do vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phùng Văn H, ở tiểu khu Th, thị trấn M, huyện X, Thành phố Hà Nội có mở cửa hàng vàng bạc kinh doanh. Nên ngày 16/10/2011 ông M có gửi bà Hà 110.107.000 đồng, lãi xuất 3%/tháng, kỳ hạn 12 tháng, 03 tháng lĩnh lãi một lần; ngày 15/11/2011 ông M lại gửi bà 20.000.000 đồng. Tổng 02 lần ông M gửi bà H là 130.107.000 đồng, được thể hiện trên hóa đơn bảo đảm vàng và có chữ ký của bà H, đóng dấu Công ty cổ phần vàng bạc đá quý H, H. Ông M đã nhiều lần đến gặp bà Hà, yêu cầu bà Hà trả nợ, nhưng bà H không trả bất cứ khoản tiền gốc, tiền lãi nào mà có ý thức trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính đến nay đã hơn 10 năm, nên ông Mạnh, bà Chiêu làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông H phải trả số tiền gốc là 130.107.000 đồng, còn số lãi ông Mạnh không yêu cầu vợ chồng bà Hà, ông Hải phải trả. Số tiền 130.107.000 đồng mà ông M cho bà H vay là tiền của vợ chồng ông M, bà Ch.

Hồ sơ thể hiện:

Bà H trình bày: Vợ chồng bà H có mở cửa hàng vàng bạc kinh doanh tại nhà ở tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Nên ngày 16/10/2011 ông Mạnh có gửi bà Hà 110.107.000 đồng, lãi xuất 3%/tháng, kỳ hạn 12 tháng, 03 tháng lĩnh lãi một lần; ngày 15/11/2011 ông Mạnh lại gửi bà H 20.000.000 đồng. Tổng 02 lần ông M gửi bà H là 130.107.000 đồng, được thể hiện trên hóa đơn bảo đảm vàng và có chữ ký của bà H, đóng dấu Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Hải Hà. Sau khi ông Mạnh gửi số tiền trên cho bà H, bà H lại cho chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979, ở thôn Văn Minh, xã Văn Nhân, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội vay. Do chị Cúc đã lừa đảo vợ chồng bà Hà, nên vợ chồng bà Hà không có khả năng trả được số tiền vay của ông M. Nay ông M, bà Ch yêu cầu vợ chồng bà H phải trả tiền gốc là vay 130.107.000 đồng, bà H sẽ có trách nhiệm trả ông Mạnh, bà Chiêu.

Ông Phùng Văn H trình bày: Giữa ông H và bà H có quan hệ vợ chồng, nhưng chỉ một mình bà H vay tiền của ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị Ch; Toàn bộ số tiền bà Hà đã vay của ông Mạnh, bà Chiêu đã bị chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979, địa chỉ thôn Văn Minh, xã Văn Nhân, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội chiếm đoạt toàn bộ. Nên bà H là người phải trả ông M, bà Ch, ông H không phải trả nợ ông M, bà Ch.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn ông Trần Văn M đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của ông M, bà Ch, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phùng Văn H phải trả cho ông M, bà Ch 130.107.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu một trăm linh bảy nghìn đồng*).

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng

nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng; đồng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị Ch tổng số tiền là 130.107.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu một trăm linh bảy nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

Việc bà Nguyễn Thị H đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phùng Văn H, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông Phùng Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện đòi tiền giữa đồng nguyên đơn ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị Ch và đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Phùng Văn H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

Về nội dung:

Về yêu cầu khởi kiện: Ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Phùng Văn H phải trả 130.107.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu một trăm linh bảy nghìn đồng*).

Xét yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Ch và các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án thu thập, thì có căn cứ xác định bà Hà đã vay của ông M 02 lần, tổng số tiền 130.107.000 đồng vào các ngày 16/10/2011, ngày 15/11/2011. Việc vay tiền trên giữa các bên được thể hiện trên hóa đơn bảo đảm vàng, có chữ ký của bà H làm căn cứ là đúng. Các bên đều thừa nhận là đúng số tiền cho nhau vay và chữ ký của mình là đúng, không có tranh chấp gì về số tiền vay.

Về người trả nợ: Trong khi ông Mạnh, bà Chiêu yêu cầu cả hai vợ chồng bà H, ông H cùng trả, thì bà H, ông H lại thống nhất chỉ chấp nhận để bà H trả với lý do, bà H mới là người đứng ra vay, ông H không liên quan gì.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không chấp nhận lý do này của bà H, ông H vì:

Thứ nhất: Quan hệ giữa ông H, bà H là quan hệ vợ chồng, mà theo quy định Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì "Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất" và "Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung bằng công sức của mỗi người; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung", cho nên số tiền dù là bà Hà hay ông Hải vay của nguyên đơn phải được coi là tài sản chung của vợ chồng và đương

nhiên khi có công nợ phát sinh, thì nghĩa vụ trả nợ cũng là nghĩa vụ chung của vợ chồng, hơn nữa bà H xác nhận, sau khi bà H vay được số tiền trên, vợ chồng bà H lại cho chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979, ở thôn Văn Minh, xã Văn Nhân, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội vay để lấy lãi suất chênh lệnh phục vụ mục đích làm ăn kinh tế gia đình.

Thứ hai: Bà H còn sử dụng "Hóa đơn đảm bảo vàng" của Công ty vàng bạc đá quý Hải H để làm giấy biên nhận tiền gửi, phía bà H xác nhận, đây là giao dịch mang tính cá nhân do bà H tự thực hiện chứ không sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty do ông H là người đại diện theo pháp luật, bởi Công ty của ông H không có chức năng nhận gửi hoặc vay tiền. Qua xem xét đăng ký kinh doanh của Công ty, thấy Công ty vàng bạc đá quý H, H, đúng là không có chức năng gửi hoặc cho vay tiền. Phía nguyên đơn cũng xác nhận đem tiền gửi là gửi cá nhân chứ không gửi cho Công ty nào. Mặt khác về hình thức của hóa đơn đảm bảo vàng là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh mua bán vàng, song nội dung của hóa đơn lại là xác nhận tiền gửi, cho vay, không liên quan gì đến mục đích, nội dung, cột, mục ghi trên hóa đơn. Nên về mặt pháp luật, Tòa chỉ xem đây là giao dịch giữa các cá nhân với nhau.

Từ những lý do trên, nên buộc cả bà H và ông H phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho ông M, bà Ch.

Đối với số tiền lãi từ khi ông Mạnh, bà Chiêu cho bà Hà vay đến nay, do phía nguyên đơn không yêu cầu Tòa giải quyết. Xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hà và ông Phùng Văn Hải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do bà Hà, ông Hải hoàn cảnh kinh tế khó khăn và có đơn xin miễn, giảm án phí, nên giảm $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hà và ông Hải.

Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị Ch được pháp luật bảo vệ, nên ông Mạnh, bà Chiêu không phải chi án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị Ch đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị Ch đối với bà Nguyễn Thị H và ông Phùng Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị Hà và ông Phùng Văn H có trách nhiệm trả ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị Ch 130.107.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu một trăm linh bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày các bên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thanh toán số tiền phải thanh toán, thì hàng tháng còn phải trả cho bên

được thi hành số tiền lãi theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Phùng Văn H phải chịu 3.252.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*), án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047717 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, đồng nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đồng nguyên đơn, đồng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố;
- VKSND Thành phố, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lã Phi Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA